TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44 /2021/DS-PT
Ngày: 11-6-2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

+ Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quản, ông Lương Thanh Chín

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Xảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLPT-DS ngày 10/4/2020, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DSST, ngày 16/7/2019 của Toà án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2021/ QĐ-PT, ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Th, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn M, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1960 và bà Dương Thị Ph, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã L, Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Hoàng Văn Ph, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Tạ Thị Ng- sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn M, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Dương Thị Ph.

Tại phiên tòa có mặt tất cả các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16. 10.2017 và bản tự khai nguyên đơn Ông Nguyễn Thành Th trình bày:

Vào năm 1994, ông có nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Th T một thửa đất có diện tích 1.000 m^2 tọa lạc tại Thôn C, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, giữa hai bên có lập giấy viết tay. Từ năm 1994 đến đầu năm 2004 ông có canh tác trồng cây điều trên diện tích đất này và sử dụng bình thường, không có ai tranh chấp. Tháng 4 năm 2004, Ông Hoàng Văn X và bà Dương Thị Ph đến tranh chấp và đổ đá chẻ trên phần diện tích đất của ông. Ngày 17.4.2006, Ủy ban nhân dân xã Tân Phước đã lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng yêu cầu ông X dừng ngay hành vi vi phạm và đình chỉ việc xây dựng trên đất. Đến năm 2007, ông X bà Ph tiếp tục xây nhà trên phần diện tích đất của ông, diện tích căn nhà chiều ngang 4,4 m x dài 9,2 m; ông có làm đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân xã Tân Phước. Ngày 27/3/2007, Ủy ban nhân dân xã Tân Phước đã lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng, đình chỉ ngay việc xây dựng nhà sau khi chính quyền giải quyết việc tranh chấp đất.

Ngày 28/6/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã La Gi ra Quyết định số 781/QĐ-UBND công nhận quyền sử dụng thửa đất trên cho ông.

Ngày 04/10/2012, ông X bà Ph làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã La Gi yêu cầu hủy Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 28/6/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã La Gi về việc giải quyết tranh chấp đất đai lần 1 giữa ông và ông X.

Theo Bản án số 01/2015/HC-ST ngày 26/3/2015 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã bác đơn yêu cầu của ông X bà Ph, Sau đó, ông X bà Ph làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Theo Bản án số 22/2015/HC-PT ngày 02/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã bác đơn kháng cáo của ông X bà Ph.

Sau đó ông làm thủ tục và được Ủy ban nhân dân thị xã La Gi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 703213, số vào sổ cấp GCN CH 01798, ngày 22/6/2016 thửa đất số 93, tờ bản đồ số 17, diện tích 928 m^2.

Tuy được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng đến nay ông vẫn chưa được sử dụng toàn bộ diện tích đất này, vì còn một phần diện tích mà ông X bà Ph xây nhà trên đất, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Hoàng Văn X và bà Dương Thị Ph tháo dỡ căn nhà xây dựng trái phép, trả lại đất cho ông.

Bị đơn Ông Hoàng Văn X và bà Dương Thị Ph, trình bày:

Năm 1978, bà Đ (mẹ ruột ông X) và vợ chồng ông bà cùng khai phá diện tích đất này để trồng hoa màu. Năm 1994, ông Th đổ đá chẽ để xây móng và làm quán để bán cho học sinh, nhưng Ủy ban nhân dân xã Tân Thiện (cũ) và ông X bà Ph không đồng ý nên ông Th đã tháo dỡ. Đến năm 2006 ông bà xây nhà cấp 4 có

diện tích ngang 4m x dài 5m, nhưng tiền xây nhà là của anh Hoàng Văn Ph - con trai ông bà, việc xây nhà ông bà có làm đơn trình Ủy ban nhân dân xã Tân Phước, ông bà có đóng thuế đối với diện tích đất này. Ông bà cho con trai là Hoàng Văn Ph và gia đình Ph ở trong căn nhà này từ năm 2006. Năm 2017 do ông Th quậy phá không cho gia đình Ph ở nên đã dọn về ở với ông bà, căn nhà hiện nay đóng cửa.

Năm 2013 bà Đ chết, từ đó đến nay ông bà có làm thủ tục kê khai đối với diện tích đất này nhưng Ủy ban nhân dân xã Tân Phước không đồng ý và cho rằng đất này có tranh chấp nên không được cấp sổ; nhưng sau đó lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Th là không đúng, nên ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Ph trình bày:*

Ông là con trai của ông X bà Ph, nguồn gốc diện tích đất này do bà Đ (bà nội) và ông X bà Ph khai hoang từ khoảng năm 1978 và trồng điều khoảng năm 1980 đến năm 1983, năm 1984 thì thu hoạch. Ông Th đã tự tiến hành xây móng trên diện tích đất này và làm chỗ buôn bán cho học sinh. Gia đình ông có báo cho Ủy ban nhân dân xã Tân Thiện (cũ) về việc này và xã có lên tháo dỡ việc xây dựng của ông Th. Sau đó gia đình ông xây dựng căn nhà cấp 4 trên diện tích đất này. Ngoài ra, còn che tạm phần bên hông nhà để làm bếp bằng gỗ, lợp tôn xi măng, phía trước có làm hàng rào thép gai quanh nhà, nhưng hiện đã mục, rỉ sét hết, nhà không có cổng. Tiền xây nhà do ông và bà Đ góp vào. Cuối năm 2016, ông đã dọn về ở tại nhà người em sát nhà ông X. Sau khi xây nhà xong, vợ chồng ông cùng sống trong căn nhà này thì ông Th thường xuyên kéo người đến hù dọa, quậy phá không cho ở, hiện nay nhà đóng cửa. Gia đình ông đã nhiều lần làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã Tân Phước trả lời đất đang có tranh chấp nên không cấp sổ và ông không biết đất đã được cấp quyền sử dụng cho ông Th. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông yêu cầu Tòa án hủy quyết định giao đất cho ông Th.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị Ng trình bày:*

Bà là vợ của Ông Nguyễn Thành Th, bà thống nhất với toàn bộ lời khai và yêu cầu của ông Th.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DSST, ngày 16/7/2019 Toà án nhân dân thị xã La Gi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 21, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 262, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 5 Điều 105 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Nguyễn Thành Th. Buộc Ông Hoàng Văn X và bà Dương Thị Ph phải trả lại cho Ông Nguyễn Thành Th diện tích 41,0256m2 nằm trong diện tích 928m2 thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 17 tại Thôn C, xã T, thị xã Li, tỉnh Bình Thuận, được Ủy ban nhân dân thị xã La Gi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 703213 ngày 22/6/2016 mang tên Ông Nguyễn Thành Th.

2. Buộc Ông Hoàng Văn X và bà Dương Thị Ph phải tháo dỡ 01 căn nhà xây cấp 4C, có diện tích 41,0256m^2, căn nhà có kết cấu: tường xây gạch chưa tô gia, nền láng xi măng, móng đá chẻ, mái lợp tôn xi măng, cửa chính bằng sắt (bị bể kính một cánh, cửa sổ là cửa gỗ tạm, trị giá căn nhà 45.948.672 đồng, căn nhà tọa lạc tại Thôn C, xã T, thị xã Li, tỉnh Bình Thuận để trả lại phần diện tích đất 41,0256m^2 trị giá 67.199.933 đồng cho Ông Nguyễn Thành Th được quyền sử dụng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019, bà Dương Thị Ph làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá khách quan, toàn bộ chứng cứ vụ án nên áp dụng không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, bà đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến về vụ án và đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Ph hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại. Nếu có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn thì Tòa án tỉnh giữ lại giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Năm 1994, Ông Nguyễn Thành Th nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Th Tú Anh một thửa đất có diện tích 1.000 m^2, diện tích này có nguồn gốc do bà Tú Anh nhận chuyển nhượng của Ông Hoàng Văn X cùng năm 1994 giá 400.000

đồng. Ông Th canh tác và sử dụng đến đầu năm 2004.

- Tháng 4.2004 ông X và bà Ph đến tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Th. Sau đó gia đình phía bị đơn xây kiềng đá chẻ trên đất tranh chấp thì bị Ủy ban nhân dân xã Tân Phước đã lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng, yêu cầu dừng ngay hành vi vi phạm và đình chỉ việc xây dựng vào ngày 17.4.2006.

- Sau đó, phía gia đình bị đơn lại tiếp tục xây dựng căn nhà cấp 4 trên phần diện tích đất tranh chấp, nên ngày 27.3.2007 Ủy ban nhân dân xã Tân Phước lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực xây dựng, đình chỉ việc xây dựng nhà, chờ kết quả giải quyết việc tranh chấp đất đai.

- Ngày 28.6.2011 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã La Gi ra quyết định số 781/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai lần 1, công nhận quyền sử dụng thửa đất cho ông Th.

- Ngày 04.10.2012 ông X bà Ph làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã La Gi yêu cầu hủy Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 28.6.2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã La Gi.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2015/HC-ST ngày 26.3.2015 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã xử bác đơn yêu cầu của ông X bà Ph. Sau đó, ông X bà Ph làm đơn kháng cáo.

- Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 22/2015/HC-PT ngày 02.12.2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử bác đơn kháng cáo của ông X bà Ph.

- Sau đó, ngày 22.6.2016 ông Th được Ủy ban nhân dân thị xã La Gi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 703213, số vào sổ cấp GCN CH 01798, thửa đất số 93, tờ bản đồ số 17, diện tích 928 m^2.

[2] Như vậy, diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích 928m^2 thuộc thửa đất số 93, tờ bản đồ số 17 tại Thôn C, xã T, thị xã Li, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân thị xã La Gi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 703213 ngày 22/6/2016 cho Ông Nguyễn Thành Th.

[3] Bà Dương Thị Ph kháng cáo, nhưng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh quyền sử đất tranh chấp là của gia đình bà. Trong quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cho rằng căn nhà xây trên đất tranh chấp là của ông Ph, nhưng phía bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình.

[4] Ngoài ra, xét thấy:

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn Ph trình bày: Trước đây tại Tòa án thị xã La Gi ông có yêu cầu Tòa án hủy quyết định giao đất cho ông Th, nhưng không được Tòa án giải quyết;

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/02/2018, ông Hoàng Văn Ph có yêu cầu Tòa án hủy quyết định giao đất cho ông Th, nhưng sau đó ông Ph không làm đơn khởi kiện độc lập và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thụ lý, chưa giải quyết. Sau khi xét

xử sơ thẩm ông Ph không kháng cáo. Nên không thuộc thẩm quyền và phạm vi xét xử phúc thẩm.

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án hành chính trước đây, Bản án hành chính phúc thẩm của Tòa án tỉnh Bình Thuận có nhận định: "*Ngày 12/10/2007, UBND xã Tân Ph lập biên bản và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền và yêu cầu bà Đ đình chỉ ngay việc xây dựng và tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu (BL 68)".*

[4.3] Do trong hồ sơ vụ án dân sự này không có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đình chỉ ngay việc xây dựng và tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu.

[4.4] Nên, Tòa án tỉnh Bình Thuận đã sao lục trong hồ sơ vụ án hành chính đối với (BL 68) như Bản án hành chính phúc thẩm đã đề cập, thì BL: 68 là Văn bản số 65/UBND, ngày 21/11/2007 của UBND xã Tân Phước *V/v báo cáo xin ý kiến giải quyết tranh chấp khiếu nại của Ông Nguyễn Thành Th, bà Nguyễn Thị Đ mẹ ruột Hoàng Văn X và bà Huỳnh Th Tú Anh,*

Thì thấy, Tòa án tỉnh Bình Thuận đã căn cứ vào nội dung của Văn bản số 65/UBND để trích dẫn trong bản án Hành chính và trong hồ sơ vụ án hành chính cũng không có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính buộc tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu như Văn bản số 65/UBND đã nêu.

[4.5] Trong quá trình giải quyết vụ án dân sự này, Tòa án tỉnh Bình Thuận cũng đã yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Tân Phước cung cấp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính buộc tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu như Văn bản số 65/UBND đã nêu. Nhưng Ủy ban nhân dân xã Tân Ph cũng không cung cấp được Quyết định hành chính này.

[4.6] Do đó, không có căn cứ để cho rằng việc gia đình phía bị đơn xây nhà trên đất tranh chấp đã bị Ủy ban nhân dân xã Tân Phước ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính buộc tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu.

[5] Nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền; đồng thời xử buộc Ông Hoàng Văn X, bà Dương Thị Ph phải tháo dỡ 01 căn nhà xây cấp 4C, để trả lại diện tích đất tranh chấp cho Ông Nguyễn Thành Th là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Bản án sơ thẩm vì vậy được giữ nguyên.

[7] Bà Dương Thị Ph thuộc diện được miễn án phí, có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vấn đề xử lý tạm ứng án phí phúc thẩm không đặt ra.

[8] Tuy nhiên, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án có 6 chương 48 điều. Nhưng tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng cụ thể điều khoản nào quy định về án phí, miễn án phí dân sự sơ thẩm, mà áp dụng toàn bộ Nghị quyết là việc áp dụng tùy tiện, không cụ thể, nên cấp phúc thẩm bổ sung cho cụ thể và Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Ph, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DSST, ngày 16/7/2019 của Toà án nhân dân thị xã La Gi;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự 2005; Khoản 5 Điều 105 Luật đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Thành Th:

- Buộc Ông Hoàng Văn X và bà Dương Thị Ph phải tháo dỡ 01 căn nhà xây cấp 4C, có diện tích 41,0256 m^2, căn nhà có kết cấu: tường xây gạch chưa tô gia, nền láng xi măng, móng đá chẻ, mái lợp tôn xi măng, cửa chính bằng sắt (bị bể kính một cánh), cửa sổ là cửa gỗ tạm, tọa lạc tại Thôn C, xã T, thị xã Li, tỉnh Bình Thuận để trả lại diện tích 41,0256 m^2 đất cho Ông Nguyễn Thành Th được quyền sử dụng.

- Buộc Ông Hoàng Văn X phải nộp 2.828.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Dương Thị Ph được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả cho Ông Nguyễn Thành Th 500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0017486 ngày 25.10.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Ông Hoàng Văn X và bà Dương Thị Ph phải chịu 4.000.000 đồng lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để hoàn trả cho Ông Nguyễn Thành Th. Ông Nguyễn Thành Th được nhận lại 4.000.000 đồng từ Ông Hoàng Văn X và bà Dương Thị Ph.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 11 tháng 6 năm 2021.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND TX. Lagi;
- Chi cục THADS TX. Lagi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Cường